

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về công tác học vụ
Trường Đại học Mỹ thuật TP.HCM

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ quyết định số 540/QĐ-BVHTTDL ngày 06 tháng 03 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ Trường Đại học”;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 về Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế và Trường phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về Công tác học vụ Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường các Phòng, Khoa, Trường các bộ môn và sinh viên của Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, HC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Văn Minh

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
DEPARTMENT OF CHEMISTRY
5780 SOUTH CAMPUS DRIVE
CHICAGO, ILLINOIS 60637

RESEARCH REPORT

NO. 1000
PUBLISHED BY THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

The following report was prepared by the author(s) and is published in this journal as a service to the scientific community. The University of Chicago Press is not responsible for the accuracy or completeness of the information contained herein.

Author(s): [Name]

Title: [Title]

Date: [Date]

Abstract: [Abstract]

Keywords: [Keywords]

Subject: [Subject]

This report is available in the following format(s): [Format]



QUY ĐỊNH

Về công tác học vụ Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
(Dành cho sinh viên đại học hệ chính quy đào tạo theo theo hệ thống tín chỉ)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 111/QĐ-ĐHMTHCM
Ngày 21/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh)

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định áp dụng cho sinh viên Đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên đại học hệ chính quy ngành Sư phạm mỹ thuật; Thiết kế đồ họa Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình giáo dục đại học được Trường xây dựng trên cơ sở Chương trình khung giáo dục đại học, cao đẳng khối ngành Văn hoá- Nghệ thuật của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đề cương chi tiết của từng học phần thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

Điều 3. Học phần và tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.



b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Học phần điều kiện: là học phần mà kết quả thi không dùng để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy nhưng sinh viên phải hoàn tất để đủ điều kiện tốt nghiệp; các học phần điều kiện bao gồm: Giáo dục quốc phòng- an ninh, Giáo dục thể chất.

4. Đơn vị để tính khối lượng học tập của sinh viên là tín chỉ. Tín chỉ là đơn vị quy chuẩn để lượng hoá khối lượng kiến thức và khối lượng học tập giảng dạy trong quy trình đào tạo. Tín chỉ cũng là đơn vị để đo lường tiến độ học tập của sinh viên- đánh giá dựa trên số lượng tín chỉ sinh viên đã tích lũy được. Một tín chỉ được tính bằng 15 tiết học lý thuyết, hoặc 30-45 tiết thảo luận, 45-90 giờ thực tập tại cơ sở, 45-60 giờ làm tiểu luận, bài thực hành tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, để tiếp thu được một tín chỉ, sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

Hiệu trưởng quy định cụ thể số tiết, số giờ đối với từng học phần phù hợp với đặc điểm của trường.

5. Hiệu trưởng quy định việc tính số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp.

6. Một tiết học được tính bằng 45 phút.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường được tính từ 7 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút hằng ngày. Tùy theo tình hình thực tế của trường, Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian hoạt động giảng dạy của trường.

Tùy theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của trường, Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế sắp xếp thời khóa biểu hàng ngày cho các lớp.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Chương 2: TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Khóa học: đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm mỹ thuật; ngành Thiết kế đồ họa; 4 năm học.

2. Học kỳ: một năm học có hai học kỳ chính. Ngoài hai học kỳ chính, còn có thêm một kỳ học phụ (học kỳ hè) để sinh viên có điều kiện được học lại, học bù.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bao gồm: thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại khoản 1 của Điều này, cộng với 4 học kỳ.

4. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 7. Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký nhập học, sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và được quản lý tại Phòng Công tác sinh viên.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường và cấp cho họ:

- a) Thẻ sinh viên.
- b) Sổ đăng ký học tập.
- c) Phiếu nhận cổ vấn học tập.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học phải được trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

5. Sắp xếp sinh viên vào học các chuyên ngành đào tạo: sinh viên được đăng ký nguyện vọng chọn chuyên ngành đào tạo. Hiệu trưởng quy định số lượng và tiêu chí cụ thể đối với từng chuyên ngành đào tạo để sinh viên đăng ký.

Điều 8. Tổ chức lớp học

Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Hiệu trưởng quy định số lượng sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp học tùy theo từng loại học phần được giảng dạy trong trường. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp, nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ.

Điều 9. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi năm học, trường thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế của trường.

3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường.

b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

4. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

5. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

6. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký chấp thuận của cố vấn học tập trong sổ đăng ký học tập hoặc theo quy định của Hiệu trưởng. Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên theo từng học kỳ phải được ghi vào phiếu đăng ký học do Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế lưu giữ.

Điều 10. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Ngoài thời hạn quy định, học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học học phần này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế.

b) Được cố vấn học tập chấp thuận.

c) Không vi phạm khoản 3 Điều 9 của Quy định này.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt, sau khi giảng viên phụ trách nhận giấy báo của Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế.

Điều 11. Đăng ký học lại

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

Điều 12. Nghỉ ốm

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi trưởng khoa trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện.

Điều 13. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo: sinh viên năm thứ nhất, sinh viên năm thứ hai, sinh viên năm thứ ba, sinh viên năm thứ tư.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

4. Kết quả học tập của học kỳ phụ không dùng vào việc xét học bổng, khen thưởng, kỷ luật sinh viên.

Điều 14. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang.

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế.

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị cảnh báo kết quả học tập hoặc bị buộc thôi học quy định tại Điều 15 của Quy định này. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức áp dụng tại Điều 5 của Quy định này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới thông qua Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế.

Điều 15. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa trên các điều kiện sau:

a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên cuối khoá.

b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khoá học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo.

c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Bị cảnh báo kết quả học tập 3 lần hoặc 2 lần liên tiếp.

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại Điều 6 của Quy định này.

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 30 của Quy định này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

Điều 16. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập.

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học.

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến.

b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến.

c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa.

d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường.

b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương 3: KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 17. Đánh giá học phần

1. Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương:

Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi là điểm học phần), bao gồm: điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm chuyên cần 10%, điểm kiểm tra giữa học phần 30% và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và phải có trọng số là 60% của điểm học phần.

2. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành:

a) **Đối với các học phần Hình hoạ:** Điểm chuyên cần 10%; điểm giữa học phần là trung bình cộng của các bài thường 30%; điểm thi kết thúc học phần là điểm của bài cuối cùng 60%.

b) **Đối với các học phần Trang trí- Bố cục, cơ sở tạo hình, bài chất liệu:** Điểm chuyên cần 10%; điểm giữa học phần được tính theo quy trình làm bài của sinh viên gồm điểm chuẩn bị và thu thập tài liệu và điểm phác thảo 30% (trong đó điểm chuẩn bị và thu thập tài liệu 10% và điểm phác thảo 20%); điểm thi kết thúc học phần là điểm bài đã thể hiện hoàn chỉnh 60%; các học phần Trang trí bố cục hoặc bài chất liệu có nhiều bài tập thì cách đánh giá kết quả giống như các học phần Hình hoạ.

c) **Đối với các học phần Thực tế:** Điểm chuyên cần 10%; điểm bố cục thực tế 30%, điểm ghi chép tư liệu thực tế 60%.

Điều 18. Tổ chức kiểm tra và thi học phần

1. Kiểm tra giữa học phần: Tuỳ theo điều kiện, giảng viên quyết định hình thức kiểm tra phù hợp. Sinh viên có kết quả kiểm tra lần đầu chưa đạt được dự kiểm tra lại một lần để xác định điều kiện dự thi kết thúc học phần.

2. Thi kết thúc học phần: Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có mặt ở lớp từ 80% trở lên so với thời gian giảng viên quy định cho học phần đó.

b) Đối với học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, điểm kiểm tra giữa học phần từ 5,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10).

Điều 19. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương:

a) Đề thi do chính giảng viên dạy học phần đó hoặc do những giảng viên có cùng chuyên môn chuẩn bị, hoặc lấy từ ngân hàng đề thi. Đề thi, đáp án và thang điểm phải được Trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa duyệt. Đề thi phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình.

b) Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, hoặc kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận. Trưởng khoa hoặc trưởng bộ môn quyết định các hình thức thi thích hợp cho từng học phần.

c) Tất cả các bài thi làm tại lớp đều được cất phách trước khi chấm thi, chậm nhất là 5 ngày sau khi thi phải giao bài cho giảng viên chấm thi; không cất phách đối với các bài thi tiếng Anh do không sử dụng giấy thi in sẵn, các bài thi hình thức tiểu luận.

d) Việc chấm thi kết thúc học phần phải do 2 giảng viên đảm nhận nếu có từ 2 giảng viên cùng ngành trở lên.

e) Điểm thi vấn đáp, phải công bố ngay sau mỗi buổi thi khi 2 giảng viên thống nhất được điểm với nhau (nếu có từ 2 giảng viên cùng ngành trở lên).

Trong trường hợp không thống nhất thì các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định. Điểm thi viết phải được công bố chậm nhất là 15 ngày sau khi thi.

f) Các điểm thi phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường. Bảng điểm thi phải có chữ ký của 2 giảng viên chấm thi (nếu có từ 2 giảng viên cùng ngành trở lên), có xác nhận của trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa và phải được gửi về văn phòng khoa và Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế của trường chậm nhất là 10 ngày sau khi thi.

2. Các học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành:

Hình thức thi kết thúc học phần do giảng viên bộ môn quyết định. Trưởng khoa duyệt các hình thức thi phù hợp cho từng học phần.

3. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành:

a) Trên cơ sở chương trình giáo dục của ngành học, giảng viên bộ môn đề xuất mức độ và chất liệu của bài thực hành chuyên môn; thời gian thực hiện bài trưởng khoa phê duyệt.

b) Việc chấm thi kết thúc học phần phải do toàn bộ giảng viên trong khoa và trưởng khoa đảm nhiệm, có thể có trưởng bộ môn tham dự.

4. Số lần được dự thi kết thúc học phần:

a) Sinh viên vắng thi không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0. Những sinh viên này chỉ còn quyền dự thi một lần ở kỳ thi phụ.

b) Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính nếu được Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ sau đó và được tính là thi lần đầu.

c) Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, kỳ thi phụ được tổ chức vào thời gian hè.

d) Đối với học phần Thực tế:

- Sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai phải đi thực tế cùng với lớp, dưới sự hướng dẫn của giảng viên (trừ một số ít trường hợp có lý do chính đáng, Khoa chủ động giải quyết, sắp xếp hợp lý).

- Đối với sinh viên chưa hoàn thành học phần Thực tế (chưa đi thực tế, chưa đủ các nhóm bài thực tế, bài dưới điểm trung bình theo quy định), sinh viên phải đăng ký học lại tại Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế vào thời điểm kết thúc năm học (có sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên phải đóng lệ phí học lại theo quy định).

- Kết thúc học kỳ phụ của năm học thứ hai, sinh viên không đạt điểm các học phần chuyên môn; phải dừng học để trả nợ học phần trước khi vào năm học thứ ba.

e) Trong trường hợp cả hai kỳ thi chính và phụ mà điểm học phần vẫn dưới 5,0 thì sinh viên phải đăng ký học lại học phần này với số lần được dự thi theo quy định như đối với một học phần mới.

f) Trong kỳ thi phụ do nhà trường tổ chức vào thời gian hè liền kề sau năm học sinh viên không đến dự thi nếu không có lý do chính đáng sẽ phải nhận điểm 0 và học lại học phần đó chung với lớp sau.

Điều 20. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 tới 10), làm tròn tới một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:	A (8,5 - 10)	Giỏi
	B (7,0 - 8,4)	Khá
	C (5,5 - 6,9)	Trung bình
	D (4,0 - 5,4)	Trung bình yếu

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0) Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0.

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ.

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trường khoa

và Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế cho phép.

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trưởng khoa và Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 21. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A	tương ứng với	4
B	tương ứng với	3
C	tương ứng với	2
D	tương ứng với	1
F	tương ứng với	0

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Chương 4: XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 22. Thực hiện bài tốt nghiệp

1. Điều kiện

- a) Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định của khoá đào tạo.
- b) Không có học phần nào bị điểm F.
- c) Đạt chuẩn tiếng Anh đầu ra theo quy định.
- d) Cho đến thời điểm thi tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật đình chỉ học tập.

2. Nội dung bài tốt nghiệp

a) Bài tiểu luận tốt nghiệp: sinh viên viết một bài tiểu luận có khối lượng 3 tín chỉ. Nội dung tiểu luận phải có liên quan đến các vấn đề bài thi tốt nghiệp kiến thức ngành, chuyên ngành. Nội dung của tiểu luận không quá 24 trang A4.

b) Bài thực hành tốt nghiệp:

Sinh viên phải có bài viết giới thiệu ngắn gọn về bài thực hành tốt nghiệp để trình bày trước Hội đồng chấm tốt nghiệp (khoảng ½ trang A4).

g) Ngành Sư phạm mỹ thuật: thực hiện một tác phẩm hội hoạ hoặc đồ hoạ tự chọn, có khối lượng 12 tín chỉ.

h) Chuyên ngành Thiết kế đồ hoạ: thực hiện một đồ án hoàn chỉnh bao gồm một hệ thống bài thiết kế, có khối lượng 12 tín chỉ.

Điều 23. Hội đồng thi tốt nghiệp

1. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp.

Thành phần Hội đồng thi tốt nghiệp gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thư ký và các thành viên. Chủ tịch, Phó Chủ tịch là Ban Giám hiệu; thành viên là các trưởng khoa của trường, Trưởng Bộ Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, thư ký là chuyên viên Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế và chuyên viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học.

2. Hội đồng thi tốt nghiệp có nhiệm vụ:

a) Căn cứ vào Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét, quyết định và công bố danh sách sinh viên đủ điều kiện thi tốt nghiệp.

b) Tổ chức phê duyệt phác thảo bài thực hành tốt nghiệp.

c) Tổ chức chấm tiểu luận tốt nghiệp và bài thực hành tốt nghiệp theo đúng quy định.

Điều 24. Quy trình làm bài thực hành tốt nghiệp

1. Khoa phân công giảng viên hướng dẫn làm bài thực hành tốt nghiệp.

2. Trên cơ sở tư liệu đi thực tế, sinh viên làm phác thảo đề tài đã chọn, có góp ý của giảng viên hướng dẫn.

3. Sinh viên sử dụng phần mềm Powerpoint để trình bày trước Hội đồng thi tốt nghiệp về nguồn tư liệu và quá trình làm phác thảo.

4. Nếu đến lần thứ 2, phác thảo vẫn không được Hội đồng thi tốt nghiệp duyệt, sinh viên bị đình chỉ làm bài đợt 1.

5. Sinh viên thể hiện bài thực tốt nghiệp theo quy trình quy định của từng ngành, chuyên ngành, có sự góp ý của giảng viên hướng dẫn.

6. Sinh viên nghiêm túc chấp hành thời gian tiến trình làm bài do khoa, giảng viên hướng dẫn quy định.

Điều 25. Quy trình chấm bài tiểu luận tốt nghiệp, bài thực hành tốt nghiệp

1. Đối với bài tiểu luận tốt nghiệp: điểm tiểu luận là điểm trung bình cộng của 2 giảng viên.

2. Đối với bài thực hành tốt nghiệp:

Bước 1:

Từng khoa thành lập Hội đồng chấm sơ khảo bài tốt nghiệp thuộc ngành, chuyên ngành đào tạo, trình Ban Giám hiệu duyệt. Thành phần Hội đồng chấm sơ khảo gồm trưởng khoa, phó trưởng khoa, giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp và giảng viên chuyên ngành liên quan.

a) Giảng viên hướng dẫn nhận xét, đánh giá chất lượng bài.

b) Các thành viên Hội đồng chấm sơ khảo phân tích, đánh giá bài của sinh viên.

c) Từng thành viên Hội đồng chấm sơ khảo ghi điểm trên phiếu đã in và ký tên.

d) Điểm được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 tới 10) và làm tròn tới một chữ số thập phân rồi quy đổi theo thang điểm chữ (A, B, C, D, F) theo quy định.

e) Thư ký Hội đồng chấm sơ khảo tổng hợp điểm trên phiếu ghi điểm của các thành viên. Điểm bài thi là điểm trung bình cộng của các thành viên và làm tròn tới một chữ số thập phân (theo thang điểm 10) rồi quy đổi theo thang điểm chữ (A, B, C, D, F) theo quy định.

Bước 2:

a) Hội đồng chấm tốt nghiệp bố trí địa điểm, thời gian và phương tiện phù hợp với từng ngành, chuyên ngành để từng thành viên Hội đồng tiếp cận bài, nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến khi vào chấm và dự kiến điểm.

b) Sinh viên trình bày tóm tắt chủ đề bài thực hành tốt nghiệp; quá trình thể hiện bài làm và trả lời câu hỏi của thành viên Hội đồng chấm tốt nghiệp.

c) Trưởng khoa giới thiệu điểm sơ khảo.

d) Các thành viên Hội đồng chấm tốt nghiệp phân tích, đánh giá bài của sinh viên.

e) Từng thành viên Hội đồng chấm tốt nghiệp ghi điểm trên phiếu đã in và ký tên.

f) Điểm được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 tới 10) và làm tròn tới một chữ số thập phân rồi quy đổi theo thang điểm chữ (A, B, C, D, F) theo quy định.

3. Thư ký Hội đồng chấm tốt nghiệp tổng hợp điểm trên phiếu ghi điểm của các thành viên Hội đồng và điểm sơ khảo của khoa. Điểm bài thi là điểm trung bình cộng của các thành viên và điểm sơ khảo, được làm tròn tới một chữ số thập phân (theo thang điểm 10) rồi quy đổi theo thang điểm chữ (A, B, C, D, F) theo quy định.

4. Sinh viên có bài tiểu luận tốt nghiệp, bài thực hành tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại bài tiểu luận tốt nghiệp, bài thực hành tốt nghiệp.

Kết quả chấm bài tiểu luận tốt nghiệp, bài thực hành tốt nghiệp được Hội đồng chấm tốt nghiệp công bố sau mỗi buổi bảo vệ.

Điều 26. Điểm tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1. Điểm tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được tính theo thang điểm 10 bằng công thức:

$$B = \frac{a.n + b.n}{N}$$

Trong đó:

B: Điểm trung bình các bài thi tốt nghiệp

a: Điểm bài thi tốt nghiệp thực hành kiến thức ngành, chuyên ngành, đồ án tốt nghiệp

b: Điểm bài tiểu luận tốt nghiệp

n: Số tín chỉ

N: Tổng số tín chỉ

Điểm tốt nghiệp được quy đổi từ thang điểm 10 sang thang điểm chữ (A, B, C, D, F) theo quy định.

Điểm tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung học tập của toàn khoá học để xếp hạng tốt nghiệp.

2. Điểm tiểu luận tốt nghiệp, điểm bài thực hành tốt nghiệp nếu không đạt, sinh viên được nhà trường tổ chức cho làm bài lại, bảo vệ lại trong thời gian từ 3 đến 6 tháng sau khi trường công bố kết quả. Nội dung, hình thức, tổ chức, chấm bài tiểu luận tốt nghiệp, tổ chức bảo vệ bài thực hành tốt nghiệp được thực hiện như kỳ thi chính.

Điều 27. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng tín chỉ của chương trình đào tạo.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên (theo thang điểm 4,00).

d) Thoả mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định.

e) Có các chứng chỉ Giáo dục quốc phòng- an ninh và Giáo dục thể chất.

f) Có đơn gửi Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm chủ tịch, Trưởng Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế làm thư ký và có các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn và các thành viên khác do Hiệu trưởng quy định.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ các điều kiện theo quy định.

Điều 28. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo chính. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học, (tính theo thang điểm 4,00) như sau:

a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00.

b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59.

c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19.

d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình.

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành học của sinh viên.

4. Sinh viên còn nợ chứng chỉ Giáo dục quốc phòng- an ninh và Giáo dục thể chất nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường.

6. Đầu năm học, trường tổ chức lễ trao bằng cho sinh viên tốt nghiệp. Trong khi chờ nhận bằng tốt nghiệp, sinh viên đã tốt nghiệp có thể làm đơn xin cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời.

Điều 29. Quản lý bằng tốt nghiệp

Bằng tốt nghiệp chỉ cấp một lần. Trường hợp bị mất hoặc bị hỏng, sinh viên có thể nộp đơn tại Phòng Hành chính- Tổng hợp để xin cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp.

Chương 5: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khóa luận tốt nghiệp, bài thực hành tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy và Quy định về kiểm tra, thi của trường.

Chương 6: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký, được áp dụng cho ngành Sư phạm mỹ thuật; ngành Thiết kế đồ họa từ khoá 2017 tại Trường Đại học Mỹ thuật

PHỤ LỤC

BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

Điểm số	Điểm chữ	Điểm trung bình chung	Xếp loại
A	8,5-10	4	Giỏi
B	7,0 – 8,4	3	Khá
C	5,5 – 6,9	2	Trung bình
D	4,0 – 5,4	1	Trung bình yếu
F	dưới 4,0	0	Kém

Lưu ý: điểm trung bình chung được làm tròn tới hai chữ số thập phân.